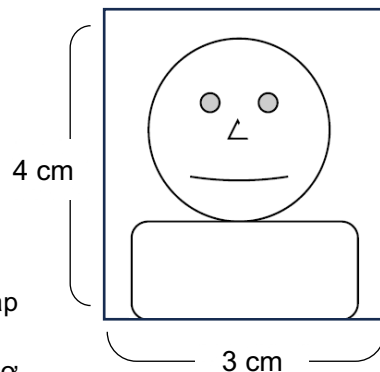


Phiếu liên hệ

Bạn cần các hồ sơ như sau để đăng ký (sổ tay người khuyết tật, sổ tay y tế và giáo dục, bộ phận hỗ trợ người khuyết tật, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày). Vui lòng mang theo khi đăng ký.

- Giấy khám sức khỏe (bác sĩ được chỉ định điền vào mẫu đơn theo quy định của Luật Phúc lợi Người khuyết tật)
- Con dấu cá nhân
- Ảnh (có thể là ảnh đen trắng) chiều dọc 4cm × chiều ngang 3cm
Chụp trong vòng 1 năm gần nhất, không đội mũ, chụp nửa thân trên và từ chính diện của mình
- Sổ tay người khuyết tật/Sổ tay y tế và giáo dục
- Tài liệu xác nhận mã số cá nhân ※Tham khảo mặt sau
- Bản phán định/Ý kiến bằng văn bản
- Báo giá
- Giấy chứng nhận thu nhập hàng năm (chấp nhận Phiếu khấu trừ thuế)
- Đối với người có Sổ tay người khuyết tật (Làm mới hoặc thay đổi mức độ tàn tật)
Nếu từ 19 tuổi trở xuống → Đến Phòng hỗ trợ nuôi dạy trẻ em (trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt)
Nếu từ 20 tuổi trở lên → Đến Phòng bảo hiểm và hưu trí (lương hưu cơ bản dành cho người khuyết tật v.v.)



Liên hệ: Phụ trách Phúc lợi người khuyết tật – Phòng Phúc lợi người khuyết tật

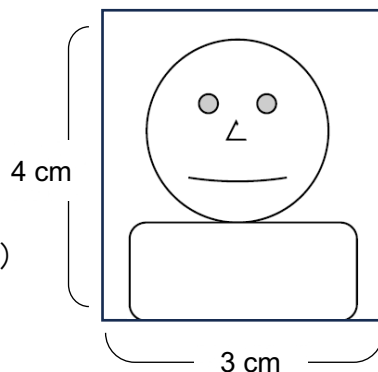
ĐT: 0467-70-5682 (Tổng đài phiên dịch ngoại ngữ thành phố Ayase)

FAX: 0467-70-5702

連絡票

あなたの (身体障害者手帳・療育手帳・補装具・日常生活用具) 申請には、次の書類が必要です。申請時にお持ちください。

- 診断書 (所定の用紙に、身体障害者福祉法に基づく指定医師が記入)
- 印鑑
- 写真 (白黒可) たて 4cm×よこ 3cm
過去 1 年以内、脱帽、上半身、本人のみを正面から撮影したもの
- 身体障害者手帳・療育手帳
- マイナンバー確認書類 ※裏面参照してください
- 判定書・意見書
- 見積書
- 年度所得証明書 (源泉徴収票可)
- 障害者手帳を取得される方 (新規又は等級変更)
19 歳以下の場合 → 子育て支援課へ (特別児童扶養手当)
20 歳以上の場合 → 保険年金課へ (障害基礎年金ほか)



問い合わせ 障がい福祉課 障がい福祉担当

TEL 0467-70-5682 (綾瀬市外国語通訳コールセンター) FAX 0467-70-5702

■ Tài liệu xác nhận mã số cá nhân cần các loại sau:

(1) Các tài liệu cần thiết để xác nhận mã số của người đó (1 trong các mục sau)

- Thẻ My Number
- Thẻ thông báo
- Bản sao phiếu cư trú có ghi mã số cá nhân
- Giấy chứng nhận các hạng mục được ghi trong phiếu cư trú có ghi mã số cá nhân, v.v...

(2) Tài liệu cần thiết để xác định bản thân người đó

1 trong các mục sau:

Thẻ My Number, Bằng lái xe, Giấy chứng nhận lịch sử lái xe, Hộ chiếu, Sổ tay người khuyết tật thân thể, Sổ tay y tế và giáo dục, Sổ tay phúc lợi bảo hiểm người khuyết tật thân kinh (kèm ảnh), Thẻ cư trú, Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

HOẶC

2 trở lên trong số các mục sau:

Giấy chứng nhận người được hưởng bảo hiểm y tế công, Sổ lương hưu, Giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em, Giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt, Giấy chứng nhận thụ hưởng hỗ trợ tự lập, Giấy chứng nhận thụ hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống, v.v...

※Theo nguyên tắc những tài liệu có hiệu lực là những tài liệu vẫn đang còn đang trong thời hạn hiệu lực.

■ マイナンバー確認書類として次のものがが必要です。

(1) 本人の番号確認で必要な書類（次のうち1点）

- マイナンバーカード
- 通知カード
- 個人番号が記載された住民票の写し
- 個人番号が記載された住民票記載事項証明書など

(2) 本人の身元確認で必要な書類

次のうち1点

マイナンバーカード、運転免許証、運転経歴証明書、旅券、身体障害者手帳、療育手帳、精神障害者保険福祉手帳（写真つきのもの）在留カード、特別永住者証明書

または

次のうち2点以上

公的医療保険の被保険者証、年金手帳、児童扶養手当証明書、特別児童扶養手当証明書、自立支援受給者証、生活保護受給者証 など

※有効期間のあるものは、原則として有効期限内のものに限ります。